

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
DÂN LẬP HẢI PHÒNG

THƯ VIỆN

9(V)

NG 527 Đ

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# LỊCH SỬ VIỆT NAM

## (1858 - 1945)

(Giáo trình đào tạo giáo viên  
Trung học cơ sở hệ Cao đẳng Sư phạm)

SÁCH ĐẲNG  
SƯ PHẠM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

(Chức năng - nhiệm vụ) của nhà xuất bản

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

THƯ VIỆN  
ĐH. DÂN LẬP HP  
KÝ HIỆU: PG. TS NGUYỄN ĐÌNH LỄ (chủ biên)-PGS. TS NGUYỄN NGỌC CƠ  
NG. 52.11.15  
SỐ: .....

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1945)

Giáo trình đào tạo giáo viên  
Trung học cơ sở hệ Cao đẳng sư phạm

(Tái bản lần thứ nhất)

THƯ VIỆN ĐH. DÂN LẬP HP  
PHÒNG ĐỌC  
2002 ĐVL 1209

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

1. Tên tài liệu  
 2. Ngày tháng năm  
 3. Nơi xuất bản  
 4. Tác giả  
 5. Chủ đề

NAM TÂY 12.12.1961  
 12.12.1961

1. Tên tài liệu  
 2. Ngày tháng năm  
 3. Nơi xuất bản  
 4. Tác giả  
 5. Chủ đề

## Chương I

# Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược từ 1858 đến 1884

---

### I- VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ XÂM LƯỢC VŨ TRANG CỦA THỰC DÂN PHÁP

Giữa thế kỉ XIX, nước ta là một nước quân chủ chuyên chế với một chế độ xã hội lạc hậu.

Trên hết có hoàng đế, nắm tất cả quyền bính ; tuy có Cơ mật viện bàn việc nước, nhưng quyết định cuối cùng vẫn là ý kiến của nhà vua.

Hoàng đế tự xưng là Thiên tử – Con trời, thay trời trị dân. Vua có uy quyền tuyệt đối. Ý vua là phép nước. Trong thực tế, vua là một địa chủ lớn nhất, có toàn quyền sử dụng ngân khố nhà nước.

Bộ luật Gia Long hoàn toàn phỏng theo bộ luật của triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc), được áp dụng triệt để nhằm duy trì chế độ phong kiến thối nát.

Các hàng quan đầu tỉnh đều do nhà nước bổ nhiệm, thông qua thi cử. Vùng thượng du, triều đình không có khả năng nắm tới thì giao cho các tù trưởng nắm quyền.

#### **1. Nông nghiệp**

Dưới các thôn xã, quyền bính nằm trong tay bộ phận phú hào. Vận mạng của dân làng phụ thuộc vào các tổng lí, kì dịch.

Quần chúng nhân dân bị áp bức thậm tệ. Ngoài thuế khóa, sưu dịch nặng nề, họ còn phải theo nhiều luật lệ kì lạ như có tiền cũng không được xây nhà lầu, dân không được ăn vận quần áo màu vàng, lam, tím (chỉ dùng cho các quan lại, những người giàu có), không được đi giày...

Chế độ sở hữu ruộng đất công dưới thời Nguyễn đã suy yếu nhiều. Ruộng tư ngày càng lấn át ruộng công. Nan chấp chiếm ruộng đất của địa chủ ngày càng trầm trọng. Sách *Mình Mạng chính yếu* cho biết vào năm 1840 tại tỉnh Gia Định "không có ruộng công, các nhà giàu đã bao chiếm ruộng tư đến trăm, ngàn mẫu, dân nghèo không được nhờ cậy". Cũng theo sử cũ, năm 1852 trong 31 tỉnh của toàn quốc chỉ có hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị có số ruộng công nhiều hơn ruộng tư. Riêng Quảng Bình có ruộng công và ruộng tư bằng nhau, còn lại 28 tỉnh khác ruộng tư nhiều hơn ruộng công, trong đó phần ruộng tốt thì cường hào chiếm cả, thừa ra thì hương lí bao chiếm. Dân chỉ được phần ruộng xấu, cằn cỗi.

Không còn ruộng công để phong cấp cho quan lại như trước nhưng cần nhiều tiền để chi dùng, nhà Nguyễn đã vơ vét bóc lột nhân dân với mọi mảnh khước, thủ đoạn.

Ngoài thuế ruộng, thuế thân, dưới thời Nguyễn, nông dân còn phải đóng vô số khoản phụ thu như : tiền thu theo đầu người, tiền điệu (tạp dịch), cước mế (thóc thu theo đầu người), tiền chi vật, tiền khoán khổ (giấy tờ, giữ kho), tiền sai dư (sai phái), tiền trước bạ, tiền đầu đèn v.v...

Do bị áp bức nặng nề, nhiều nông dân đã bỏ làng ra đi. Có năm tại trấn Hải Dương, trong 13 huyện, dân ở 108 thôn xã đã phiêu tán.

## **2. Công thương nghiệp**

Triều đình nhà Nguyễn vẫn duy trì chế độ công tượng cũ, lũng bắt các thợ giỏi đưa về kinh đô phục vụ cuộc sống cung đình. Các ngành nghề thủ công trong dân gian ngày thêm tàn lụi. Thêm vào đó là chính sách ngăn sông cấm chợ, tặc giấu nghề và các quy định ngặt nghèo vô lí của nhà nước như cấm buôn bán đồ sắt, cấm khai thác mỏ ở một số vùng ; tư nhân không được giao thương với nước ngoài... đã khiến cho các trung tâm thương mại trở nên thưa thớt, công thương nghiệp tiêu điều. Những người thợ khéo tay nhiều khi chỉ được sử dụng vào việc làm thỏa mãn tính hiếu kì của các bậc vương giả.

Chính sách thuế ngặt nghèo lại giáng tiếp đòn nặng nề vào công thương nghiệp. Công nghiệp không có điều kiện để trở thành một ngành riêng, ngược lại có xu hướng bị hòa tan vào nền kinh tế tự cung tự cấp của xã hội phong kiến lạc hậu. Chính sách "bế quan tỏa cảng" càng làm cho Việt Nam bị tách biệt với các nước.

## **3. Những cuộc khởi nghĩa**

Ách áp bức nặng nề cùng với những chính sách đối nội, đối ngoại thiếu căn của Nhà nước phong kiến Nguyễn đã trở thành nguyên nhân bùng nổ



hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân kéo dài suốt từ thời Gia Long đến Tự Đức, trong đó có những cuộc khởi nghĩa lớn kéo dài nhiều năm thu hút hàng ngàn người tham gia, khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày càng trở nên sâu sắc.

Trong suốt 18 năm thời Gia Long (1802 – 1820) có 73 cuộc khởi nghĩa nông dân. Từ thời Minh Mạng đến năm 1858, các cuộc khởi nghĩa nổ ra ngày càng nhiều hơn, quy mô ngày càng lớn hơn. Năm 1821 có cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành ở vùng Nam Định (kéo dài tới năm 1827). Năm 1833 có khởi nghĩa của Lê Duy Lương ở Ninh Bình, Lê Văn Khôi ở Gia Định, Nông Văn Vân ở Tuyên Quang.

Trong vòng 7 năm Thiệu Trị làm vua, đã có tới 56 cuộc khởi nghĩa nông dân.

Thời Tự Đức, cao trào nông dân khởi nghĩa đã làm nền tảng chế độ phong kiến lung lay tận gốc. Đáng chú ý nhất là các cuộc khởi nghĩa của Cai tổng Vàng (ở Bắc Ninh) và cuộc khởi nghĩa năm 1854 ở vùng Sơn Tây (giặc Châu chấu) do Cao Bá Quát lãnh đạo. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ từ năm 1848 khi Tự Đức lên ngôi đến năm 1862, năm thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, có 40 cuộc khởi nghĩa ; đến năm 1883, năm nhà Nguyễn ký điều ước Hác măng thừa nhận sự chiếm đóng của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, có tới 103 cuộc khởi nghĩa.

Phong trào nông dân khởi nghĩa nói trên đã khẳng định : mâu thuẫn giữa nông dân với phong kiến đã trở nên hết sức sâu sắc đúng lúc thực dân Pháp chuẩn bị nổ súng xâm lược nước ta. Nông dân bao giờ cũng là một lực lượng yêu nước quan trọng. Họ tỏ ra hết sức tỉnh táo và nhạy bén trước thời cuộc và có sức sống, sức quật khởi trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Chính quần chúng nhân dân, trong đó chủ yếu là nông dân, đã trở thành chỗ dựa của các sĩ phu yêu nước, là động lực chính trong các cuộc đấu tranh chống xâm lược Pháp của dân tộc ta ở giai đoạn sau.

## II – ÂM MƯU XÂM LƯỢC VIỆT NAM CỦA TƯ BẢN PHÁP

Sau các cuộc phát kiến địa lí lớn ở thế kỉ XV và XVI, chủ nghĩa tư bản được xác lập. Giai cấp tư sản càng đẩy mạnh các cuộc xâm lăng thuộc địa. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha trở thành các quốc gia giàu mạnh nhất sau các cuộc cướp đoạt ở châu Mỹ và phương Đông. Sang thế kỉ XVII, Hà Lan mạnh lên, cũng đến Hội An (1636) và Phố Hiến lập thương điếm. Để gây thanh thế và ảnh hưởng ở Việt Nam, Hà Lan đã can thiệp vào cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn, giúp Trịnh đánh Nguyễn (1642 – 1643) nhưng việc không thành.

Đầu thế kỉ XVIII, người Anh có mặt ở Phố Hiến (Hưng Yên), Thăng Long (Hà Nội). Đầu thế kỉ XIX (1802), Anh cho quân chiếm đảo Côn Lôn, phái binh lính người Mã Lai (Malaixia) đến đóng giữ. Năm 1803, binh lính Mã Lai đã phối hợp với viên quan trấn thủ người Việt Nam nổi dậy tiêu diệt quân Anh, lấy lại đảo.

Trong cuộc chạy đua sang phương Đông, tư bản Pháp ngày càng chú ý tới Việt Nam thông qua các tài liệu của Hội truyền giáo hải ngoại Pháp.

Giáo sĩ Rốt (Alexandre de Rhodes) đến Việt Nam từ 1624, ở Việt Nam khoảng 17 năm, tích cực truyền bá đạo Thiên chúa ở cả Nam và Bắc. Sau thời kì làm việc cho vua Bồ Đào Nha, năm 1645 ông mở cuộc vận động lập các Tòa giám mục Pháp ở Viễn Đông và hệ thống công giáo bản xứ. Năm 1664, Hội truyền giáo hải ngoại Pháp được thành lập ở Paris. Trong các năm tiếp theo, giáo hội tích cực hoạt động, đẩy mạnh việc truyền đạo và buôn bán, chuẩn bị kế hoạch xâm lược Việt Nam.

Sau chiến tranh 7 năm giữa Anh và Pháp (1756-1763), nước Pháp thua trận. Anh chiếm Ấn Độ. Pháp chỉ còn làm chủ một số thị trấn ven biển. Từ đó, tư bản Pháp càng muốn có các thuộc địa ở Viễn Đông, nhất là tại Việt Nam là nơi các giáo sĩ của Hội truyền giáo hải ngoại Pháp và các thương gia của Công ty Đông Ấn Pháp đã biết nhiều từ thế kỉ XVII.

Công ti Đông Ấn của Pháp sau đó giải thể, các tàu buôn Pháp không qua lại buôn bán nữa, song các giáo sĩ Pháp vẫn lén lút vào Việt Nam hoạt động.

Tại Đàng Ngoài, một số giáo sĩ đội lốt thương gia ở lại Phố Hiến tiếp tục truyền giáo.

Ở Đàng Trong, một số giáo sĩ cùng Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine), người đã từng phụ trách một chủng viện ở Hòn Đất (Kiên Giang), ở lại miền Tây đất Gia Định. Sau khi chúa Nguyễn bị phong trào nông dân Tây Sơn đánh đổ, giám mục Bá Đa Lộc đã nảy ra ý đồ giúp Nguyễn Phúc Ánh với hi vọng đi trước các nước châu Âu khác, chiếm lấy Việt Nam nhằm khuếch trương thế lực của chúng.

Nguyễn Ánh cầu cứu phong kiến Xiêm. Quân Xiêm tàn phá đất Việt Nam từ Hà Tiên, Rạch Giá đến Vĩnh Long, sau đó bị Nguyễn Huệ tiêu diệt ở Rạch Gầm - Xoài Mút (Định Tường) năm 1785. Nguyễn Ánh lại cầu xin thực dân Tây Âu giúp đỡ. Tại thời điểm đó, chẳng những Pháp mà còn cả Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha đều phái nhân viên đến liên lạc với Nguyễn Ánh đề nghị "viện trợ", bản thân Nguyễn Ánh cũng có ý định sang Batavia (Indônêxia) để cầu viện Hà Lan hoặc sang Goa (Ấn Độ) cầu viện Bồ Đào Nha, nhưng cuối cùng dựa hẳn vào Pháp.

Cuối năm 1784, được sự ủy nhiệm của Ánh, Pinhồ dời Bêhen (Bá Đa Lộc) đã đem theo ấn tín và người con trai của Ánh là Nguyễn Phúc Cảnh (Hoàng tử Cảnh) lúc đó mới 6 tuổi sang cầu viện Pháp<sup>(1)</sup>.

Ngày 28-11-1787, Pinhồ dời Bêhen, đại diện cho Nguyễn Ánh và Bá tước Môngmôranh, đại diện cho Hoàng đế Pháp Lui XVI kí kết hiệp ước mang tên "Hiệp ước tương trợ tấn công và phòng thủ" tại Vecxai ; Pháp cam kết gửi binh lính, lương thực, tàu, súng đạn sang giúp Nguyễn Ánh khôi phục lại quyền bính. Đổi lại, Pháp được sở hữu Đà Nẵng, đảo Côn Lôn và được độc quyền buôn bán tại Việt Nam.

Hiệp ước 1787 không được thực hiện vì ngay sau đó, cách mạng Pháp bùng nổ. Nhưng tư bản Pháp ở Ấn Độ Dương vẫn ra sức ủng hộ kế hoạch của Pinhồ dời Bêhen, bởi kế hoạch này nếu được thực hiện sẽ đem lại nhiều quyền lợi cho giới tư bản tài phiệt. Chúng đã gửi tàu chiến, sĩ quan, kĩ sư, binh lính, vũ khí đạn dược sang giúp Nguyễn Ánh. Bản thân Pinhồ dời Bêhen cũng tham gia chinh chiến trong đội quân của Nguyễn Ánh chống Tây Sơn.

Năm 1812, Hoàng đế Napôlêông Bônápác (Napoléon Bonaparte) sau khi xem các giác thư của bọn thực dân hoạt động tại Viễn Đông đã ra lệnh nghiên cứu lại hiệp ước Vecxai (1787). Song ngay năm sau, ông bị lật đổ, âm mưu xâm lăng Việt Nam của Pháp vì thế chưa thực hiện được.

Nguyễn Ánh, sau khi lên ngôi (1802), tức vua Gia Long, đã có các chỉ dụ đặc biệt ưu ái đối với các giáo sĩ người Pháp. Tuy vậy, do sự hoạt động ráo riết của các thế lực theo đạo Thiên chúa và các cố đạo người Âu, Gia Long lo ngại, cảnh giác và đề phòng. Năm 1817, Gia Long đã cự tuyệt việc yết kiến của phái bộ Pháp do Lu i XVIII cử đến, đồng thời cũng cự tuyệt luôn ý đồ của người Pháp muốn thương thuyết trên cơ sở hiệp ước Vecxai. Trong khi đó, nước Anh ngày càng bành trướng thế lực, nhất là khi người Anh đã có mặt tại Xingapo (1819), ráo riết mở các cuộc tấn công vào nội địa Trung Quốc. Pháp phải nhanh tay hành động, nhằm tìm cách đứng chân ở một căn cứ nào đó gần kề Trung Quốc.

Dưới thời Minh Mạng (1820-1840) mấy lần Pháp cử lãnh sự sang Việt Nam yêu cầu thông thương, nhưng bị từ chối. Lấy cớ triều đình Việt Nam cự tuyệt bang giao và giết giáo sĩ, giáo dân, chính phủ Pháp quyết định dùng vũ lực thực hiện tham vọng của mình.

---

(1) Thư do Bá Đa Lộc viết vào tháng 12 1784 có đoạn : "Sau khi sửa chữa xong thuyền... chúng tôi giống bướm về đảo Phú Quốc để từ đó vượt qua vịnh Xiêm La. Ở đây một lần nữa, chúng tôi gặp nhà vua Đàng Trong ; ông kể lại cho nghe lí do vì sao ông đã sang Xiêm. Họ mượn cớ giúp ông trở lại ngôi vua và lợi dụng danh nghĩa ông để cướp bóc dân chúng. Chính vào thời điểm này, nhà vua đã giao cho tôi chăm sóc người con trai mới lên 6 tuổi mà tôi hiện đem theo đây... Sau đó, chúng tôi vượt vịnh Xiêm La đến Malacca ngày 19 tháng 12".



Về phía Việt Nam, từ năm 1840 khi Thiệu Trị nối ngôi Minh Mạng, việc cấm đạo tuy có nới tay hơn, nhưng Pháp không vì thế mà ngừng ý đồ xâm lược.

Vốn từ lâu đã có dã tâm can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam, Pháp lưu ý nhiều tới việc kế vị Gia Long<sup>(1)</sup>, kích động sự chống đối của Lê Văn Duyệt với Minh Mạng<sup>(2)</sup>, nay lại tiếp tục sử dụng con bài công giáo để gây dư luận.

Ngoài các chiến dịch tuyên truyền tại Pháp, Hội truyền giáo hải ngoại Pháp còn kích động những phần tử bất hảo trong số gần 50 vạn giáo dân, liên tiếp gây ra các vụ rắc rối, gây hận thù lương - giáo, vi phạm luật lệ triều đình..., cố làm mục ruỗng xã hội Việt Nam bằng cách chia rẽ nội bộ dân tộc ta, đi tới thủ tiêu tinh thần kháng chiến cũng như sức đề kháng của nhân dân ta trước quân xâm lược.

Tiến thêm một bước, ngày 25-2-1843, một tàu chiến Pháp vào Đà Nẵng. Hạm trưởng xin tha cho 5 giáo sĩ bị kết án tử hình đang còn bị giam ở Phú Xuân (Huế).

Năm 1845, thiếu tướng hải quân chỉ huy hạm đội vùng Biển Đông phái tàu chiến đến Đà Nẵng, yêu cầu thả một giám mục bị kết án tử hình đang bị giam tại Huế.

Năm 1847, chính phủ Pháp lại phản đối việc cấm đạo ở Việt Nam và yêu cầu Thiệu Trị để cho dân được tự do theo tôn giáo mới.

Tháng 3-1847, hai tàu chiến Pháp tới Đà Nẵng. Thuyền trưởng và giáo sĩ Pháp ngang nhiên đi thẳng vào công quán đe dọa. Trấn thủ Đà Nẵng, một mặt không chịu nhận thư của đại diện Pháp, mặt khác ra lệnh cho binh lính sẵn sàng đối phó. Hai tàu chiến Pháp đã bắn phá 5 chiếc tàu đồng của quân ta, rồi nhổ neo kéo buồm ra khơi. Ngày 15-7-1847, chiến hạm Pháp lại kéo đến bắn phá dữ dội các chiến thuyền của triều đình đậu tại Đà Nẵng. Tình thế trở nên căng thẳng.

Nghe tin quân Pháp bắn phá Đà Nẵng, vua Thiệu Trị vô cùng tức giận đã hạ dụ : "cấm đạo, sát tả" (cấm đạo, giết giáo dân) để đối phó, rồi ra lệnh cho các nơi chỉnh trang quân bị, chế tạo thêm khí giới để chuẩn bị kháng chiến.

Tháng 11-1847, Tự Đức lên ngôi. Lệnh cấm đạo vẫn tiếp tục được duy trì và có phần còn ráo riết hơn trước. Các giáo sĩ ngoại quốc có nguy cơ không còn chỗ dung thân. Chiến tranh tương chừng đã nổ ra đến nơi. Nhưng một lần nữa ở châu Âu, cách mạng Pháp 1848 lại bùng nổ, tư bản Pháp chưa thực hiện được kế hoạch xâm lược Việt Nam.

---

(1) Vận động cho Đồng cung Cảnh nối ngôi.

(2) Ngoài vụ này, Pháp còn nhúng tay vào cuộc khởi nghĩa ở Bắc thành năm 1826. Năm 1833-1836, chúng lại thâm nhập vào cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở Gia Định.

Năm 1852, Lui Bônápác (Louis Bonaparte) được sự ủng hộ của đại tư sản phản động ở Pháp lên ngôi hoàng đế, lập ra đế chế II, xưng là Napôlêông III. Việc chuẩn bị xâm lược Việt Nam của Pháp được đẩy mạnh thêm một bước. Ngày 21-9-1856, tàu Catinat tới cửa biển Đà Nẵng. Quân trấn thủ Đà Nẵng khước từ không tiếp nhận quốc thư của Pháp. Hạm trưởng tức giận sai phá các thành lũy của quân ta. Ngày 24 tháng 10 năm 1856, một tuần dương hạm khác lại đến Đà Nẵng trực tiếp gửi thư hăm dọa quan đầu tỉnh Quảng Nam. Sau đó ít lâu, ngày 23-1-1857, Môngtinhhi (De Montigni) phái viên của Napôlêông III tới Việt Nam. Sau nửa tháng thương thuyết không có kết quả, Môngtinhhi bỏ về nước. Cùng về Pháp với Môngtinhhi có giám mục Penloranh (Pellerin). Penloranh đem tình hình cấm đạo và sát tử ở Việt Nam ra tuyên truyền, rồi ra sức xúi giục Chính phủ Pháp hành động bằng vũ lực.

Ngay sau đó – một cơ quan chuyên nghiên cứu vấn đề Việt Nam của Pháp được lập ra ngày 22-4-1857 lấy tên là Ủy ban Nam Kỳ. Lá cờ "bảo hộ công giáo" được "nêu cao" để chuẩn bị cho cuộc hành binh xâm lược.

Chỉ mấy ngày sau khi thành lập, theo lệnh của Napôlêông III, Ủy ban Nam Kỳ đã họp ba tuần liền (từ 28-4-1857) để quyết định kế hoạch đánh chiếm Việt Nam. Trong các cuộc họp này, Ủy ban Nam Kỳ đã dựa vào văn bản của hiệp ước Vecxai (1787), để hợp pháp hóa việc đem quân xâm lược nước ta, chủ trương điều động gấp rút quân đội sang chiếm ba đô thị Sài Gòn, Đà Nẵng và Kẻ Chợ (Hà Nội), biến Việt Nam thành đất thuộc Pháp, biến triều đình Nguyễn thành tay sai phục vụ đắc lực lợi ích của bọn thực dân...

Tháng 7-1857, Napôlêông duyệt y kế hoạch xâm lược vũ trang của Ủy ban Nam Kỳ, giao cho Bộ Hải quân Pháp thực hiện. Vừa lúc có hai giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình Nguyễn sát hại ở Bắc Kỳ (hai giáo sĩ này cũng hoạt động trong Hội truyền giáo nước ngoài Pháp), Napôlêông III và Giáo hội Pháp đã thương nghị với chính phủ Tây Ban Nha phối hợp hành động.

Ngày 27-6-1858, sau khi đã cùng Anh – Mỹ buộc triều đình Mãn Thanh kí hiệp ước Thiên Tân, hạm đội Pháp ở Á Đông đã cùng một tàu chiến của Tây Ban Nha đến Đà Nẵng, chuẩn bị mở màn cuộc chiến tranh ăn cướp.

### III – LIÊN QUÂN PHÁP – TÂY BAN NHA NỔ SÚNG PHÁT ĐỘNG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Chiều ngày 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha do Giơnuuy (Rigault de Genouilly) chỉ huy dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Quân Pháp có 2.500 tên, bố trí trên 13 chiếc thuyền được trang bị vũ khí hiện đại. Tây Ban Nha góp thêm 1 chiến thuyền và 450 lính.